

# GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ

THIẾT KẾ CHƯƠNG  
TRÌNH DẪN NHÃN  
CARBON TỰ NGUYỆN VÀ  
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN  
CHI TIẾT



Tháng 11 2025



# Mục tiêu của Hội thảo

- Trình bày khung thiết kế đề xuất cho Chương trình Ghi nhãn Dấu chân Carbon (VCLP) của Việt Nam
- Xác thực các yếu tố chính của chương trình – phương pháp luận, chứng nhận và cơ cấu tổ chức.
- Thu thập phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện thiết kế trước khi triển khai thí điểm.
- Xác định nhu cầu xây dựng năng lực để triển khai hiệu quả.

**Sản phẩm 2 trước đó:** Thu thập kinh nghiệm quốc tế và điều kiện thị trường carbon Việt Nam.



---

# Nội dung

1. Giới thiệu
  - 1.1 Bối cảnh
  - 1.2 Phạm vi
  - 1.3 Tác động tổng thể kỳ vọng từ VCLP
2. Thiết kế VCLP
  - 2.1 Khung chương trình
  - 2.2 Phương pháp luận và các tiêu chuẩn
  - 2.3 Hệ thống chứng nhận
  - 2.4 Cơ cấu thể chế và quy định
  - 2.5 Kế hoạch triển khai
  - 2.6 Quản lý rủi ro trong giai đoạn triển khai
  - 2.7 Xây dựng năng lực
3. Các bước tiếp theo

---

◆ ◆ ◆

---

# 1. GIỚI THIỆU

---

◆ ◆ ◆



# 1. Giới thiệu

## 1.1 Bối cảnh

- Giai đoạn nghiên cứu ban đầu đã hoàn thành (Tháng 5 năm 2025 – Tháng 6 năm 2025) (Kết quả 02)
- Giai đoạn thiết kế đang được tiến hành (tháng 9 năm 2025 – tháng 12 năm 2025) (Kết quả 03)
- Giai đoạn thử nghiệm CFP\* sẽ tiếp theo (tháng 1 năm 2026 – tháng 4 năm 2026) (Kết quả 04)
- VCLP sẽ giúp các doanh nghiệp
  - đo lường, xác minh và thể hiện CFP để tiếp cận thị trường tốt hơn
  - tập trung vào sản xuất carbon thấp, tiêu dùng bền vững và khả năng cạnh tranh toàn cầu
  - phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (EU CBAM\*, công bố carbon của doanh nghiệp)
- VCLP sẽ được điều chỉnh phù hợp với các kế hoạch quốc gia như:
  - Lộ trình Thị trường Carbon của Việt Nam
  - Mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (theo cam kết COP\*26)
  - Chiến lược Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (2021–2050)
  - Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh (2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050)

*\*CFP – Dấu chân Carbon*

*EU CBAM – Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon của Liên minh Châu Âu*

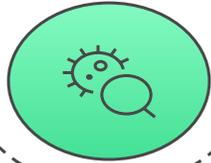
*COP – Hội nghị các Bên*

# 1. Giới thiệu

## 1.2 Phạm vi

### 2.1 Khung chương trình

Xác định sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu



### 2.2 Phương pháp luận và Các tiêu chuẩn

Phát triển PCR\* và các tiêu chuẩn tính toán carbon

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

Thiết lập quy trình dẫn nhãn CFP và công nhận



### 2.4 Thiết lập Thể chế và Quy định

Xác định các Bộ, ngành chủ chốt và thành lập các Ủy ban

### 2.5 Kế hoạch triển khai

Lập kế hoạch giai đoạn thí điểm và triển khai toàn diện



### 2.6 Giám sát, Đánh giá và Quản lý rủi ro

Xây dựng các chỉ số M&E và thực hiện đánh giá rủi ro

### 2.7 Nâng cao năng lực và Quản lý các bên liên quan

Thực hiện các chương trình đào tạo và tư vấn



### 2.8 Kế hoạch công việc giai đoạn thí điểm (Phiên thứ 3)

Lựa chọn các lĩnh vực thí điểm và đánh giá kết quả

\*PCR – Quy tắc danh mục sản phẩm

M&E – Giám sát và Đánh giá

# 1. Giới thiệu

## 1.3 Tổng quan tác động dự kiến từ VCLP

Chương trình được thiết kế để bao gồm những khía cạnh chính sau:

**6. Hòa hòa với hệ thống Quốc tế** để nâng cao mức độ sẵn sàng và năng lực cạnh tranh thị trường của Việt Nam theo các quy định carbon toàn cầu.

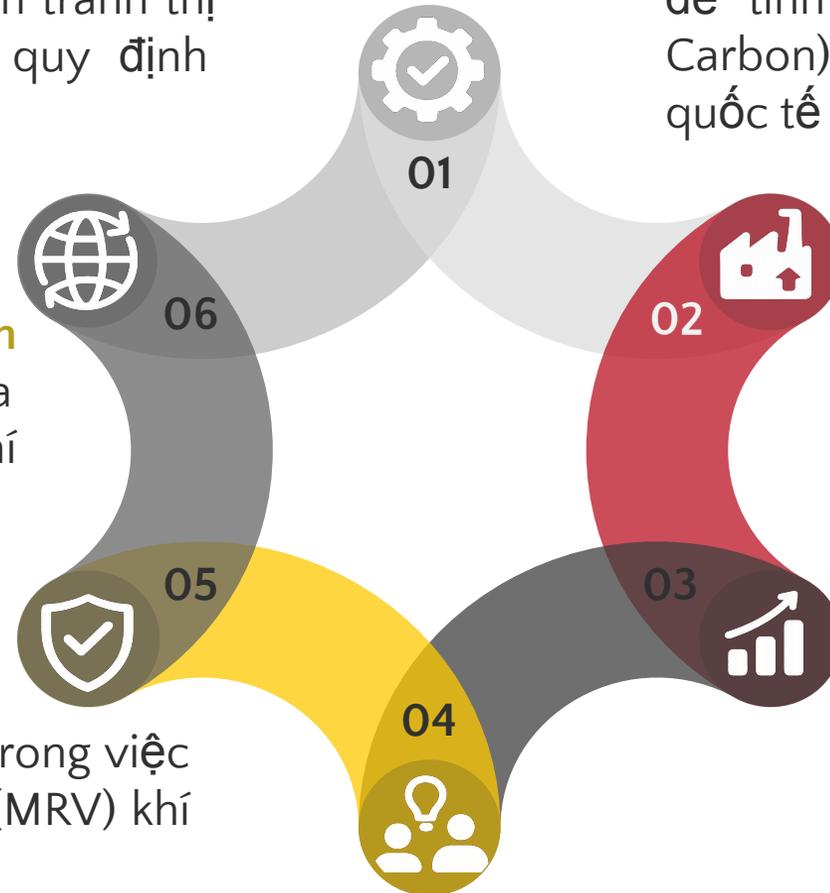
**5. Củng cố các kết nối chính sách** giữa việc dán nhãn carbon, mua sắm công xanh và các mục tiêu khí hậu quốc gia.

**4. Xây dựng năng lực quốc gia** trong việc giám sát, báo cáo và thẩm định (MRV) khí nhà kính ở cấp độ sản phẩm.

**1. Phát triển các phương pháp tiêu chuẩn hóa** để tính toán và dán nhãn CFP (Dấu chân Carbon) sản phẩm, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14067 và Nghị định thư GHG

**2. Hỗ trợ các Doanh nghiệp** trong việc xác định các nguồn phát thải chính và áp dụng các biện pháp để giảm phát thải KNK (Khí nhà kính) ở cấp độ sản phẩm.

**3. Tăng cường nhận thức người tiêu dùng** về các sản phẩm carbon thấp và thúc đẩy các quyết định mua hàng có trách nhiệm với môi trường.



---

◆ ◆ ◆

## 2. THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH DẪN NHÃN CFP TỰ NGUYỆN

---

◆ ◆ ◆



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.1 Khung chương trình



#### SỨ MỆNH

- Thiết lập một chương trình dán nhãn carbon đáng tin cậy và minh bạch
- Giúp các doanh nghiệp định lượng, thẩm định và công bố lượng phát thải KNK ở cấp độ sản phẩm
- Trao quyền cho người tiêu dùng và thị trường để đưa ra các lựa chọn carbon thấp



#### TẦM NHÌN

- Trở thành một chuẩn mực carbon được công nhận trong nước và tin cậy quốc tế về tính minh bạch
- Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững
- Đóng góp vào các mục tiêu khí hậu quốc gia và mục tiêu phát thải ròng bằng không toàn cầu



#### PHẠM VI

- Áp dụng cho tất cả các ngành công nghiệp đã đăng ký.
- Tập trung vào các lĩnh vực phát thải cao và các ngành hướng tới xuất khẩu.
- Ban đầu là chương trình tự nguyện, với tiềm năng chuyển đổi thành bắt buộc trong tương lai
- Phạm vi được điều chỉnh định kỳ dựa trên các quyết định của chính phủ.

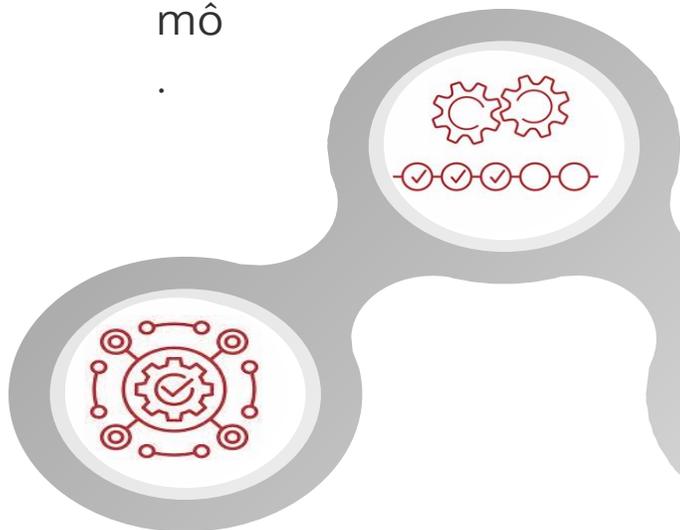
## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.1 Khung chương trình

Cách tiếp cận để thực hiện chương trình tổng thể là:

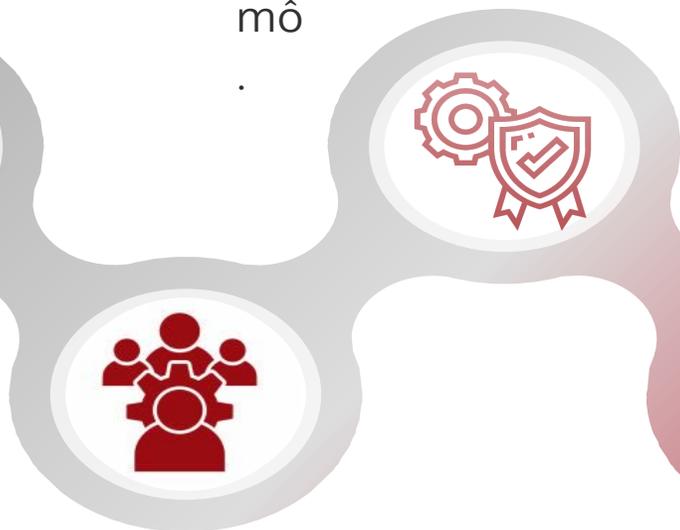
#### 1. Giai đoạn triển khai

Thí điểm trong các lĩnh vực ưu tiên, sau đó mở rộng quy mô



#### 4. Thẩm định và Đảm bảo

Thí điểm trong các lĩnh vực ưu tiên, sau đó mở rộng quy mô



#### 6. Xây dựng năng lực

Đào tạo, hướng dẫn và cung cấp công cụ để đo lường dấu chân carbon chính xác



#### 2. Điều chỉnh khung làm việc

Tuân thủ các thông lệ tốt nhất toàn cầu và các tiêu chuẩn quốc tế

#### 3. Thu hút các bên liên quan

Thu hút các nhà sản xuất, cơ quan, tổ chức chứng nhận và người tiêu dùng

#### 5. Truyền thông minh bạch

Định dạng nhãn tiêu chuẩn hóa và nền tảng kỹ thuật số cho dữ liệu CFP

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

Xác định các quy tắc và khuôn khổ về cách tính toán, xác minh và truyền đạt lượng khí thải carbon của sản phẩm theo VCLP

Hai khía cạnh thiết yếu cần được phát triển là:

- Tiêu chuẩn/hướng dẫn kỹ thuật chung cho VCLP
- Hướng dẫn cụ thể cho sản phẩm (gọi là PCR)

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

Tiêu chuẩn/hướng dẫn kỹ thuật chung cho VCLP sẽ xác định:

- Phạm vi phát thải vòng đời
- Tiêu chuẩn áp dụng
- Yêu cầu tuân thủ chung
- Thiết kế logo nhãn carbon



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

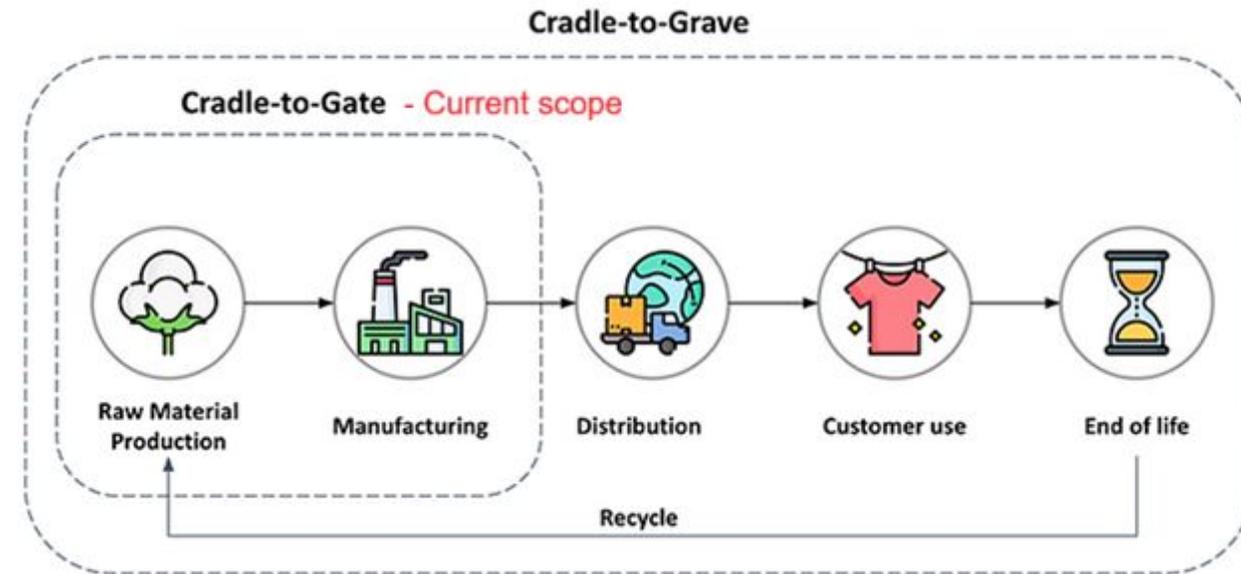
### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### a. Phạm vi phát thải vòng đời

- CFP có thể bao gồm Phạm vi phát thải 1, 2 & 3 (Nghị định thư GHG).
  - **Phạm vi 1:** Phát thải trực tiếp từ các nguồn sở hữu/kiểm soát.
  - **Phạm vi 2:** Phát thải gián tiếp từ nguồn năng lượng được mua.
  - **Phạm vi 3:** Các phát thải gián tiếp khác trên toàn bộ chuỗi giá trị.
- **Danh giới hiện tại được khuyến khích:** *Cradle-to-gate*.
- Có thể mở rộng thành *Cradle-to-grave* khi dữ liệu và năng lực được cải thiện.

\*GHG – Khí nhà kính  
LCA – Đánh giá vòng đời



Product LCA\* model & current emission scope

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### a. Phạm vi phát thải vòng đời

Phác thảo các giai đoạn vòng đời (ví dụ: khai thác nguyên liệu thô, sản xuất, sử dụng, thải bỏ) được xem xét khi đo lượng khí thải carbon của sản phẩm.

#### Ranh giới hệ thống được các quốc gia khác tuân theo

Quốc gia	Loại nhãn	Phạm vi	Mục đích
Thái Lan	CFP	Hầu hết là cradle-to-gate (Ví dụ. Ngành Dệt may) (Đối với một vài sản phẩm, cradle-to-grave. Ví dụ như Xi măng)	Hiển thị tổng lượng KNK của một sản phẩm
	CFR	Gate-to-gate (Ví dụ như Gạo)	Hiển thị % giảm phát thải của nhà máy/quy trình so với mức cơ sở
Nhật Bản	CFP	Chủ yếu là cradle-to-grave (cradle-to-gate được cho phép nếu dữ liệu bị hạn chế)	Tiết lộ tổng lượng khí thải CO <sub>2</sub> e; nâng cao nhận thức của người tiêu dùng
<b>Việt Nam (Giao đoạn 1)</b>	<b>CFP</b>	<b>Cradle-to-gate</b>	
Việt Nam (Giai đoạn 2)	CFP và CFR	Cradle-to-gate	

Bạn có gợi ý nào về phương pháp tiếp cận Cradle-to-gate không?

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### b. Các tiêu chuẩn tính toán

Tiêu chuẩn kế toán đưa ra các quy tắc và phương pháp để đo lường và báo cáo lượng khí thải nhà kính ở cấp độ sản phẩm.

Tiêu chuẩn / Giao thức	Nhà xuất bản	Mục đích / Tập trung
ISO 14067:2018	ISO	Định lượng và báo cáo CFP sản phẩm dựa trên các nguyên tắc LCA.
ISO 14040/14044:2006	ISO	Khung và hướng dẫn thực hiện LCA (cơ sở cho CFP).
ISO 14025:2006	ISO	Quy tắc phát triển EPDs và PCRs loại III.
Nghị định thư GHG – Tiêu chuẩn sản phẩm	WRI & WBCSD	Hướng dẫn về định lượng/báo cáo GHG trong toàn bộ vòng đời sản phẩm.
Nghị định thư GHG – Tiêu chuẩn Doanh nghiệp & Phạm vi 3	WRI & WBCSD	Bao gồm phạm vi phát thải 1, 2, 3; liên kết CFP với hàng tồn kho của công ty.
PAS 2050:2011	BSI	Chỉ định các yêu cầu đánh giá khí nhà kính trong vòng đời sản phẩm.
EN 15804:2012+A2:2019	CEN	Các quy tắc cốt lõi cho EPD trong xây dựng; phù hợp với ISO 14025 & 14040/44.

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### b. Các tiêu chuẩn tính toán

#### Kinh nghiệm của các quốc gia khác về tiêu chuẩn sử dụng cho nhãn carbon



Đất nước	Tiêu chuẩn / Giao thức được sử dụng
Thái Lan	ISO 14067:2018; ISO 14040/44
Nhật Bản	ISO 14067:2018; ISO 14040/44; ISO 14025:2006
Đài Loan	ISO 14067:2018; ISO 14040/44
Vương Quốc Anh (UK)	PAS 2050:2011; ISO 14067; ISO 14025

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

#### c. Hệ số phát thải và cơ sở dữ liệu

- Chuẩn hóa các hệ số phát thải đảm bảo tính nhất quán và minh bạch trong việc tính toán CFP.
- **Ưu tiên:** ① Các nguồn Việt Nam, ② Tham khảo Quốc tế (như nguồn thứ hai)
- **Các nguồn Việt Nam:**
  - **Quyết định Số. 2626/QĐ-BTNMT (2022):** Hệ số phát thải chính thức cho các ngành Năng lượng, Công nghiệp, Nông nghiệp và Chất thải
  - **Hệ số phát thải lưới Điện:** Được cập nhật hàng năm bởi Bộ TN&MT/Bộ Tài nguyên và Môi trường (mới nhất: Công văn số 1726/BĐKH-PTCBT)
- Các tập dữ liệu quốc gia này cung cấp nền tảng nhất quán cho việc đánh giá CFP.

#### Tài liệu tham khảo các hệ số phát thải chính trên Quốc tế

STT	Cơ sở dữ liệu / Nguồn	Mô tả / Phạm vi phủ
1	<a href="#">IPCC Emission Factor Database (EFDB)</a>	Hệ số phát thải toàn cầu được đánh giá ngang hàng cho năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp và chất thải (theo hướng dẫn của IPCC)
2	<a href="#">IEA Emission Factors Database</a>	Cung cấp hệ số phát thải CO <sub>2</sub> cho sản xuất điện và nhiệt ở các quốc gia và khu vực khác nhau. Hữu ích cho ước tính phát thải Phạm vi 2
3	<a href="#">Emissions Database for Global Atmospheric Research (EDGAR)</a>	Dữ liệu chi tiết về khí nhà kính do con người tạo ra theo quốc gia và lĩnh vực
4	<a href="#">Climatiq Open Emission Factor Database</a>	Tổng hợp các hệ số trên toàn cầu theo khu vực, lĩnh vực và hoạt động — bao gồm dữ liệu cụ thể của Việt Nam

Có nguồn thông tin nào khác về hệ số phát thải không?

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### d. Sử dụng công cụ tính toán KNK

Công cụ tính toán GHG là nền tảng phần mềm được sử dụng để ước tính lượng khí thải nhà kính từ các sản phẩm, quy trình hoặc tổ chức

- Không có công cụ GHG cụ thể nào được phát triển theo PCF
- Các công cụ hiện có trên thị trường có thể được sử dụng để hỗ trợ tính toán, xác minh và kiểm tra chéo PCF
- Dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế: ISO 14067, ISO 14064 và Nghị định thư GHG
- Nhiều công cụ LCA và GHG quốc tế có sẵn để tham khảo và xây dựng năng lực
- Việc sử dụng các công cụ là tự nguyện, không bắt buộc.

##### Các công cụ chính để tính toán và đánh giá CFP

Công cụ	Loại	Tính năng chính
<b>SimaPro</b>	Phần mềm tính toán LCA	Hỗ trợ các nghiên cứu PCF tuân thủ ISO; mô hình hóa nâng cao; bao gồm các cơ sở dữ liệu phát thải như Ecoinvent và Agri-footprint
<b>GaBi</b>	Phần mềm tính toán LCA	Mạnh về mô hình hóa quy trình công nghiệp và sản phẩm; cung cấp cơ sở dữ liệu độc quyền chi tiết
<b>OpenLCA</b>	Công cụ tính toán LCA nguồn mở	Linh hoạt và được sử dụng rộng rãi; hỗ trợ tính toán CFP và đánh giá tác động môi trường
<b>OneClick LCA</b>	Công cụ điện toán đám mây	Được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực xây dựng; phù hợp với EN 15804 và Nghị định thư GHG
<b>Carbon Footprint Calculator</b>	Dấu chân sản phẩm và tổ chức	Dựa trên PAS 2050; phù hợp cho việc chứng nhận và đánh dấu ấn tổ chức
<b>Cool Farm Tool</b>	Công cụ tập trung vào nông nghiệp	Tính toán lượng khí thải GHG, mức sử dụng nước và tác động đến đa dạng sinh học cho các đánh giá ở cấp độ trang trại

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

##### d. Thiết kế nhãn dán carbon cho sản phẩm :

Phát triển định dạng nhãn và các ký hiệu được sử dụng để truyền đạt lượng khí thải carbon của sản phẩm tới người tiêu dùng và các bên liên quan.

- Có hai loại nhãn carbon theo kế hoạch Chương trình dán nhãn carbon tại Việt Nam:
  - **Nhãn PCF:** Chỉ ra lượng khí thải GHG trong suốt vòng đời của một sản phẩm.
  - **Nhãn CFR:** Nhận biết sự giảm thiểu đã được xác minh trong CFP so với mức cơ bản.



(a) Nhãn carbon của Thái Lan



(b) Nhãn giảm thải carbon của Đài Loan



(c) Nhãn carbon của Nhật Bản

\*EPA – Cơ quan Bảo vệ Môi trường

Các ví dụ về thiết kế nhãn dán

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### A. Thiết lập hướng dẫn phương pháp cho việc dán nhãn carbon

#### d. Thiết kế nhãn dán carbon cho sản phẩm

Thông tin nhãn :

- Tổng lượng khí thải carbon(kg CO<sub>2</sub>e)
- Đơn vị chức năng (ví dụ 1 kg, 1 đơn vị, 1 m<sup>2</sup>, 1 L)
- Loại nhãn (Đo lường / Giảm thiểu / Trung hòa carbon)
- Chi tiết nhãn hiệu và chứng nhận
- Tham chiếu xác minh và thời hạn hiệu lực

Tính năng kèm theo:

- Chi tiết sản phẩm tùy chọn: danh mục, biện pháp giảm thiểu.
- Mã QR/ liên kết kỹ thuật số để có dữ liệu chứng nhận chi tiết và minh bạch.



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.2 Phương pháp luận và các Tiêu chuẩn

#### B. PCRs

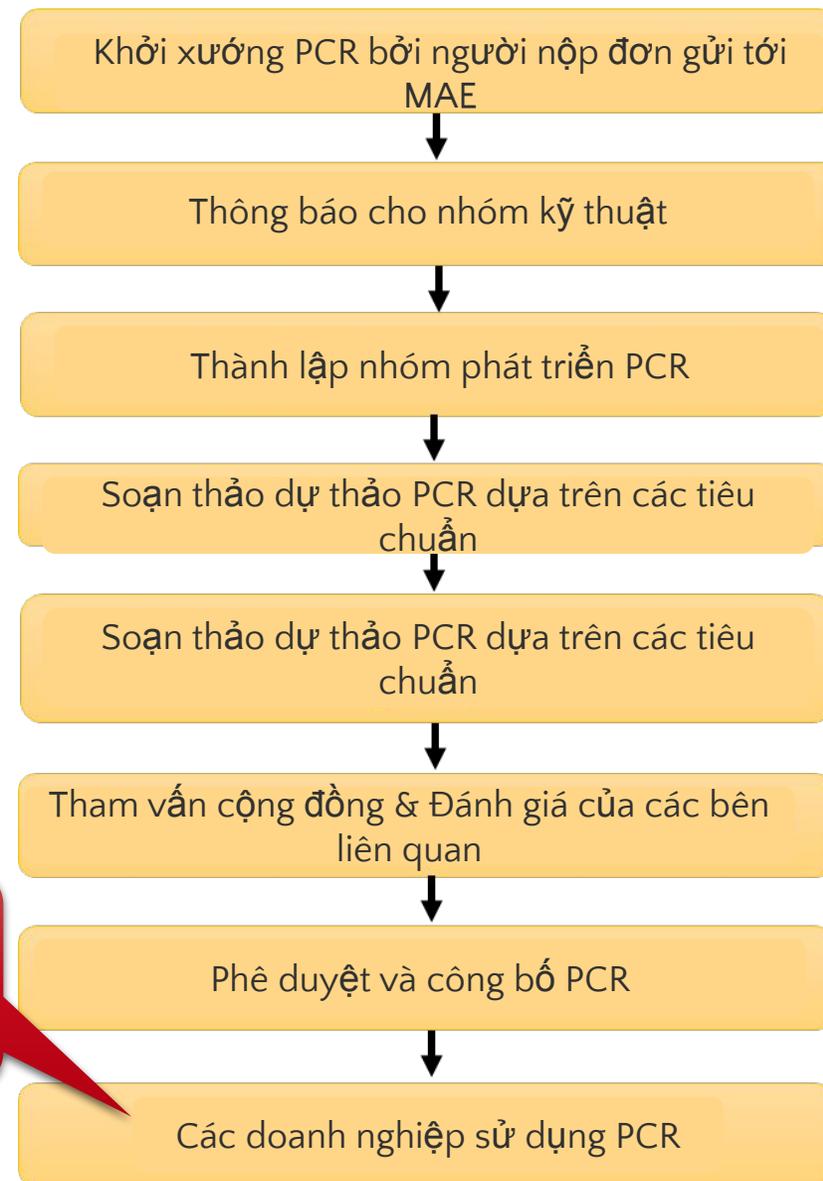
- Các hướng dẫn được tiêu chuẩn hóa cho Công bố Sản phẩm Môi trường (EPDs) và tính toán CFP sản phẩm.
- Các lựa chọn PCR:
  - **Sử dụng PCR hiện có** – từ Cơ quan quản lý chương trình hoặc cơ sở dữ liệu quốc tế (Hệ thống EPD, SuMPO, TGO, KEITI\*).
  - **Điều chỉnh PCR liên quan** – sửa đổi PCR tương tự với sự chấp thuận của PO.
  - **Phát triển PCR mới** – nếu không có PCR nào, hãy tuân theo thủ tục tiêu chuẩn.

**Chú ý:** Dự thảo PCR sẽ được công bố trên trang web quốc gia để lấy ý kiến công chúng. Thời gian tham vấn sẽ kéo dài **30 ngày** để thu thập phản hồi từ ngành, chuyên gia và các bên liên quan khác.

Thời hạn hiệu lực của PCR đối với Việt Nam là 3 năm.  
**Có cần đề xuất/sửa đổi nào trong 2 hay 3 năm không?**

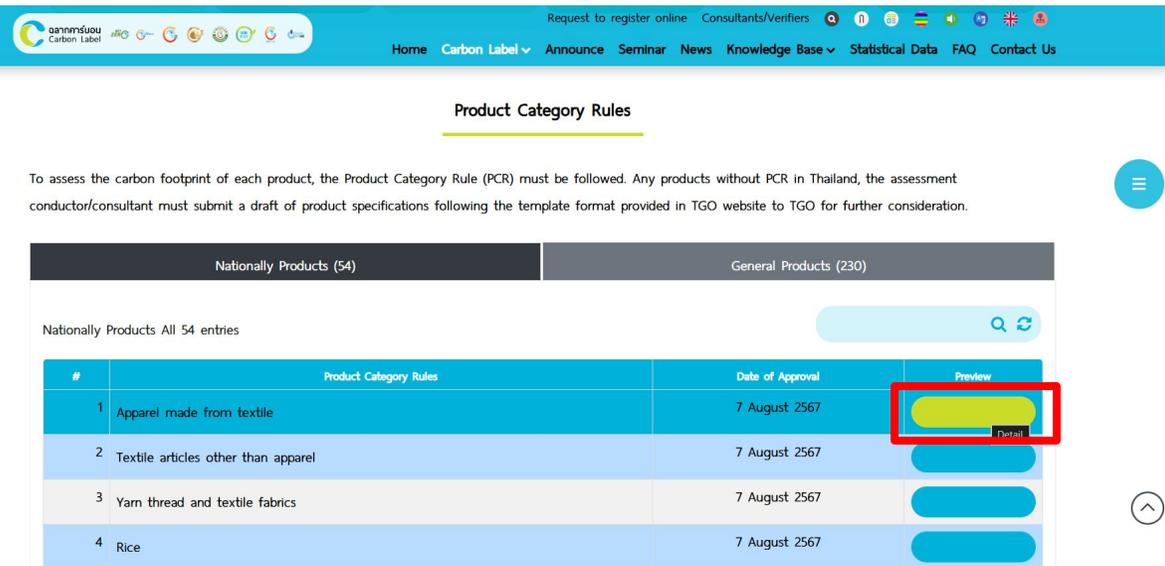
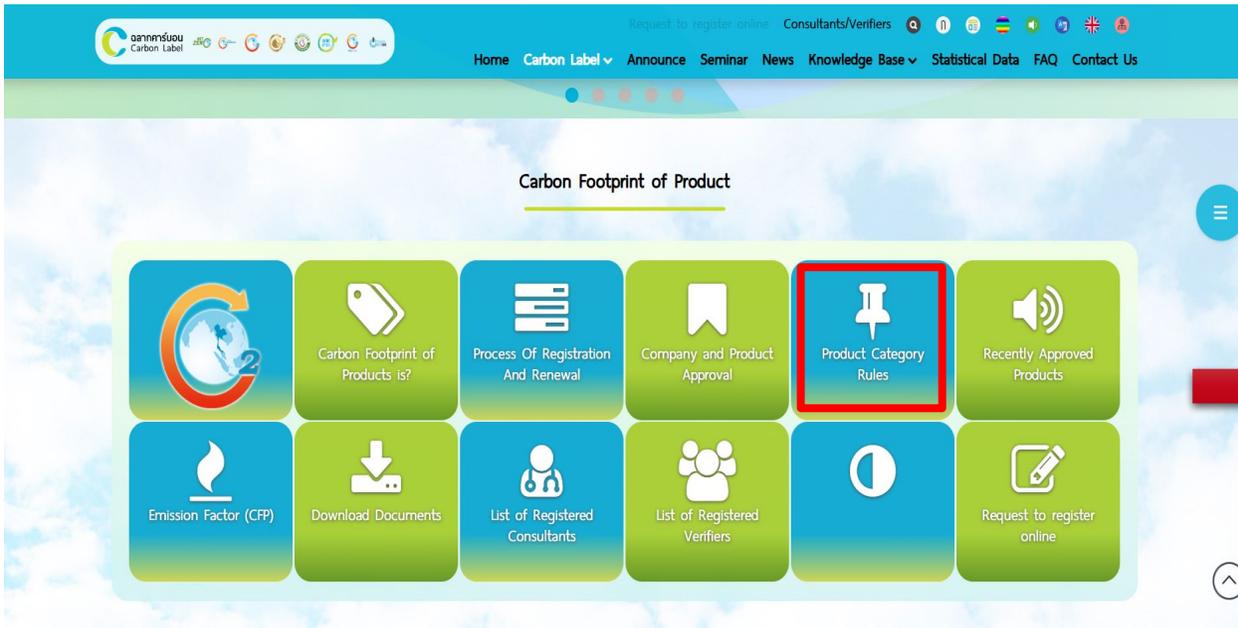
\*MAE – Bộ Nông nghiệp và Môi trường  
SuMPO – Tổ chức Thúc đẩy Quản lý Bền vững  
TGO – Tổ chức Quản lý Khí nhà kính Thái Lan  
KEITI – Viện Công nghệ và Công nghiệp Môi trường Hàn Quốc  
JEMAI – Hiệp hội Quản lý Môi trường Công nghiệp Nhật Bản

**Ghi chú:** Nhật Bản (Chương trình CFP JEMAI – 3 năm), Thái Lan (TGO – 3 năm) và Hàn Quốc (Chương trình Dán nhãn Carbon KEITI – 5 năm).



#### Quy trình Phát triển PCR

# Mô hình cơ sở dữ liệu của PCR



**BƯỚC 1:** Trên trang web Nhãn Carbon TGO, chọn “Product Category Rules” trong phần Dấu chân carbon của sản phẩm.



**BƯỚC 2:** Từ danh sách PCR, cuộn xuống để xem các tài liệu PCR dành riêng cho sản phẩm. Nhấp vào biểu tượng xem trước (được tô sáng màu đỏ) để mở tài liệu.

**BƯỚC 3:** Một cửa sổ bật lên với mã PCR của sản phẩm đã chọn sẽ xuất hiện. Nhấp vào “Download” để lưu tệp

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

Dự án sẽ xác minh các tính toán PCF thông qua các chuyên gia đánh giá bên thứ ba được công nhận, đảm bảo tính minh bạch, độ tin cậy và tuân thủ các hướng dẫn CFP của Việt Nam.

#### A. Quy trình dán nhãn CFP

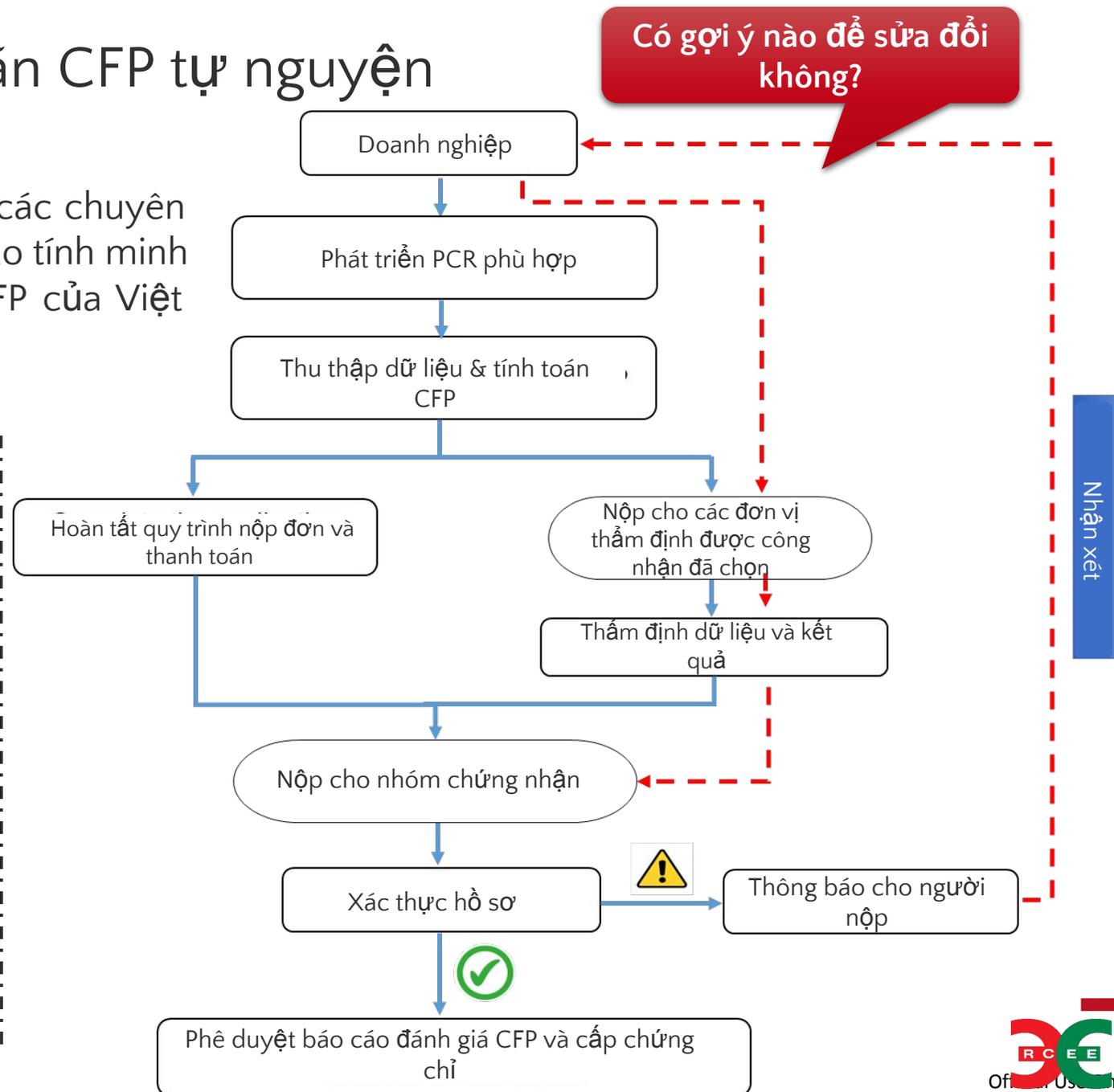
- Thiết lập lộ trình có cấu trúc để đo lường, xác minh và truyền đạt lượng khí thải GHG của sản phẩm

#### Các giai đoạn của Chương trình chứng nhận

1. Nộp đơn

2. Xác minh

3. Xem xét và phê duyệt



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### A. Quy trình dán nhãn CFP

##### Các yếu tố chính của quy trình chứng nhận nhãn CFP

**01 Người xác minh được công nhận:** Đảm bảo độ tin cậy được xác minh bởi các chuyên gia có trình độ

**02 Đảm bảo chất lượng:** Kiểm tra nhiều giai đoạn để ngăn ngừa lỗi trước khi phê duyệt

**03 Tính minh bạch:** Phản hồi rõ ràng cho người nộp đơn để cải thiện liên tục

**04 Truy xuất nguồn gốc:** Lưu giữ hồ sơ để kiểm toán và giải trình

**05 Tiêu chuẩn hóa:** Áp dụng các phương pháp nhất quán (ví dụ: ISO 14067) để so sánh

#### Quy trình Chứng nhận – Tiêu chí Đánh giá Ra quyết định, tuân thủ, và quản trị của cơ quan chứng nhận.



**Tuân thủ Quy tắc Chương trình & PCR** – Tuân thủ các quy tắc chương trình và Quy tắc Danh mục Sản phẩm



**Tính hợp lệ của xác minh** – Báo cáo xác minh và các tài liệu hỗ trợ đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và thủ tục



**Tính khách quan trong ra quyết định** – Các quyết định chứng nhận được đưa ra mà không có xung đột lợi ích



**Người ra quyết định Đủ tiêu chuẩn** – Nhân sự có thẩm quyền không tham gia vào các hoạt động xác minh



**Hiệu quả hoạt động** – Xử lý kịp thời các quyết định chứng nhận



**Lưu giữ Hồ sơ & Khả năng Truy xuất nguồn gốc** – Lập tài liệu về các quyết định và bằng chứng cho các cuộc kiểm toán



**Khắc phục Hành động khép lại** – Tất cả các điểm không phù hợp được giải quyết trước khi phê duyệt



**Giám sát liên tục** – Đánh giá và gia hạn định kỳ để duy trì trạng thái chứng nhận

*\*Bao gồm đánh giá nội bộ, đánh giá kỹ thuật, xác minh của bên thứ ba, đánh giá của hội đồng chuyên gia,...*

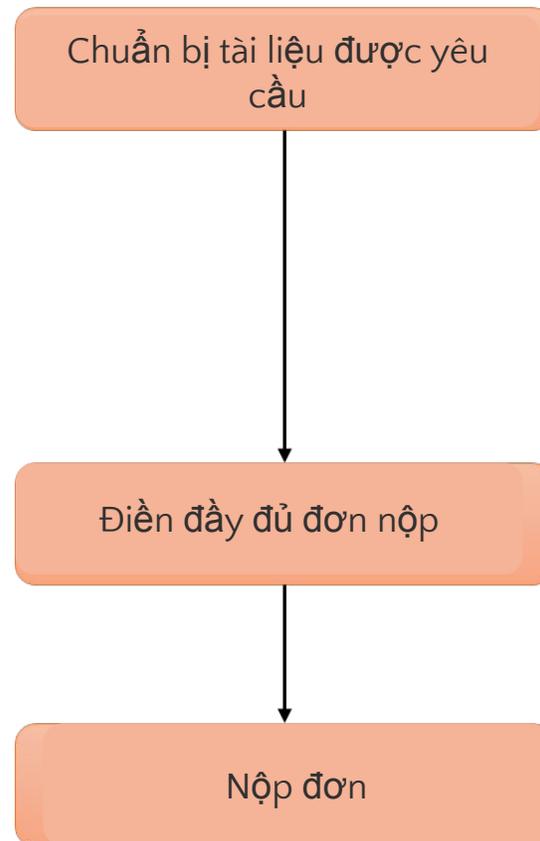
## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### A. Quy trình dán nhãn CFP

##### A.1 Quy trình nộp đơn

- Người nộp đơn chuẩn bị và nộp tất cả các tài liệu cần thiết để dán nhãn CFP
- Cơ quan có thẩm quyền xem xét tính đầy đủ của hồ sơ trước khi chuyển sang giai đoạn tiếp theo.



##### Bao gồm:

- Báo cáo tính toán CFP
- Tài liệu PCR tham chiếu
- Báo cáo LCA
- Báo cáo xác minh
- Đặc điểm kỹ thuật sản phẩm và thông tin sản xuất
- Bảng chứng thanh toán
- Mẫu tuyên bố đã ký

##### Bao gồm:

- Chi tiết công ty
- Tên và danh mục sản phẩm
- Đơn vị chức năng
- Tóm tắt phát thải Khí nhà kính (GHG)
- Tham chiếu PCR
- Tên đơn vị xác minh và số công nhận
- Chữ ký và tuyên bố

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### A. Quy trình dán nhãn CFP

##### A.2 Quy trình xác minh từ bên thứ ba:

- Đánh giá độc lập về CFP của sản phẩm bởi một chuyên gia thẩm định được công nhận.
- Báo cáo của chuyên gia thẩm định được nộp kèm theo đơn xin đánh giá.
- **Việc lựa chọn người xác minh phụ thuộc vào:**
  - Quy định chương trình (cá nhân/tổ chức)
  - Phạm vi sản phẩm hoặc lĩnh vực
  - Sự sẵn có của các chuyên gia có trình độ



Quy trình Xác minh – Tiêu chí Đánh giá  
Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và độ tin cậy của dữ liệu đã báo cáo.



**Tính Chính xác** – Kiểm tra tính đúng đắn của các hệ số phát thải, các phép tính và kết quả



**Tính Đầy đủ** – Đảm bảo tất cả dữ liệu, quy trình và các giai đoạn vòng đời có liên quan được bao gồm (theo PCR hoặc giao thức)



**Tính Nhất quán về Phương pháp luận** – Sự phù hợp với các tiêu chuẩn được công nhận (ví dụ: ISO 14067, PAS 2050, GHG Protocol)



**Tính Minh bạch** – Tài liệu rõ ràng về các giả định, nguồn dữ liệu, ranh giới và giới hạn



**Độ Tin cậy** – Khả năng tái tạo kết quả trong cùng điều kiện



**Tính Khách quan** – Sự độc lập của đơn vị xác minh khởi dự án hoặc sản phẩm đang được đánh giá



**Năng lực Kỹ thuật** – Chuyên môn về Đánh giá Vòng đời Sản phẩm (LCA) và các phương pháp kế toán Khí nhà kính (GHG)



**Báo cáo Dựa trên Bằng chứng** – Các kết luận được hỗ trợ bằng dữ liệu và hồ sơ có thể xác minh được



**Đánh giá tại chỗ** – Tiến hành kiểm tra cơ sở hoặc hệ thống để xác nhận việc thu thập dữ liệu và các thực hành giám sát

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### A. Quy trình dán nhãn CFP

##### A.3 Quy trình xem xét và phê duyệt

#### Đánh giá đa cấp đảm bảo tính chính xác và tuân thủ:

Giai đoạn đánh giá	Trách nhiệm chính
Đánh giá xác minh CFP	Bên thứ ba đánh giá và cấp chứng chỉ xác minh.
Đánh giá kỹ thuật	Nhóm chứng nhận kiểm tra tính toán CFP và báo cáo căn chỉnh và xác minh PCR của bên thứ ba.
Đánh giá hành chính	Cơ quan quản lý chương trình (ví dụ: MAE) xác minh bằng chứng thanh toán, tính đủ điều kiện và danh mục sản phẩm.



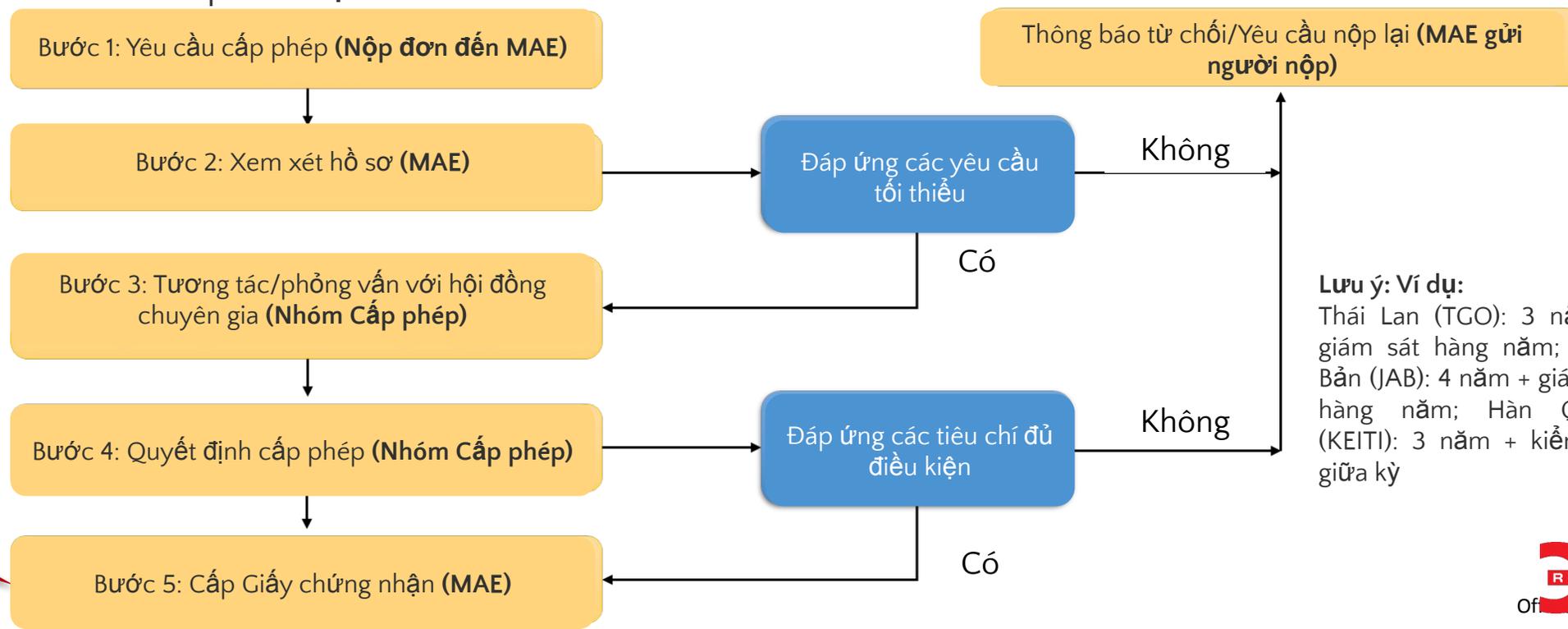
## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### B. Quy trình công nhận

- Các kiểu Người xác minh được công nhận::
  - **Người thẩm định cá nhân:** Các chuyên gia có trình độ đáp ứng các yêu cầu của chương trình hoặc cơ quan công nhận; có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong phạm vi được xác định
  - **Tổ chức thẩm định:** Các tổ chức được công nhận (ví dụ: ISO 14065) với đội ngũ chuyên gia có trình độ, hệ thống chất lượng và tính khách quan được đảm bảo

Thời hạn hiệu lực đề xuất cho chứng chỉ công nhận là 3 năm (bởi MAE), với việc giám sát hàng năm đối với các đơn vị xác minh tại Việt Nam. Có đề xuất nào khác không?



**Lưu ý: Ví dụ:**  
Thái Lan (TGO): 3 năm + giám sát hàng năm; Nhật Bản (JAB): 4 năm + giám sát hàng năm; Hàn Quốc (KEITI): 3 năm + kiểm tra giữa kỳ

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

Có cần thêm tiêu chí nào khác không?

#### B. Quy trình xác minh

#### TIÊU CHÍ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ XÁC MINH ĐÃ ĐĂNG KÝ

##### Cá nhân



**Tính đủ điều kiện** – Quốc tịch Việt Nam và hơn 5 năm làm việc với một tổ chức có trụ sở tại Việt Nam



**Xung đột lợi ích** – Không phải là chủ sở hữu, người thụ hưởng, hoặc tư vấn cho các sản phẩm đang được đăng ký



**Học vấn** – Bằng cử nhân trở lên thuộc các ngành Khoa học, Kỹ thuật, hoặc các lĩnh vực liên quan



**Đào tạo** – Hoàn thành khóa đào tạo được công nhận 20 giờ về LCA và 10 giờ về tính toán dấu chân carbon.



**Kinh nghiệm** – Kinh nghiệm thực tế trong tính toán và xác minh dấu chân carbon



##### Kỹ năng

- Áp dụng các phương pháp xác minh trong mọi trường hợp
- Giao tiếp các quy trình và diễn giải kết quả một cách hiệu quả



**Tính chính trực nghề nghiệp** – Trung thực, có trách nhiệm, không bị thiên vị hoặc ảnh hưởng từ bên ngoài



**Bảo mật** – Bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ tiết lộ thông tin khi được ủy quyền hoặc khi pháp luật yêu cầu



**Năng lực** – Sử dụng kiến thức và kinh nghiệm một cách hiệu quả trong các quy trình xác minh

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### B. Quy trình xác minh

Có cần thêm tiêu chí nào khác không?

#### TIÊU CHÍ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ XÁC MINH ĐÃ ĐĂNG KÝ

##### Tổ chức



**Tư cách pháp nhân** – Đã đăng ký tại Việt Nam và tham gia vào các hoạt động kinh doanh có liên quan



**Xung đột lợi ích** – Không phải là chủ sở hữu, người thụ hưởng, hoặc tư vấn cho các sản phẩm đang được đăng ký



**Quản lý** – Hệ thống quản lý nguồn nhân lực mạnh mẽ



**Yêu cầu đối với đơn vị xác minh:**

- Tuyển dụng ít nhất hai chuyên gia tính toán dấu chân carbon đã đăng ký MAE
- Việc xác minh phải được thực hiện chỉ bởi các đơn vị xác minh đã đăng ký



**Tuân thủ** – Các đơn vị xác minh chưa bị rút đăng ký MAE

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### B. Quy trình xác minh

Điểm mạnh và hạn chế của các đơn vị xác minh được công nhận để dán nhãn carbon

Khía cạnh	Cá nhân thẩm tra được xác minh	Tổ chức thẩm tra được xác minh
<b>Điểm mạnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Chi phí thấp; lý tưởng cho SMEs và các dự án thí điểm</li> <li>✓ Nhanh chóng và linh hoạt</li> <li>✓ Chuyên môn ngành mạnh mẽ (ví dụ: dệt may, thực phẩm)</li> <li>✓ Trách nhiệm và nghĩa vụ giải trình trực tiếp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Uy tín và sự công nhận cao</li> <li>✓ Xử lý các chương trình lớn hoặc đa ngành</li> <li>✓ Hệ thống đảm bảo chất lượng mạnh (đánh giá ngang hàng, kiểm toán)</li> <li>✓ Chuyên môn dựa trên đội ngũ và tính liên tục</li> </ul>
<b>Giới hạn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Năng lực hạn chế đối với các dự án lớn</li> <li>✓ Các biện pháp bảo vệ tính khách quan yếu hơn</li> <li>✓ Uy tín toàn cầu thấp hơn</li> <li>✓ Rủi ro nếu người thẩm tra không thể làm việc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Chi phí cao hơn cho các SMEs</li> <li>✓ Khung thời gian thủ tục kéo dài hơn</li> <li>✓ Tiềm tàng mâu thuẫn lợi ích</li> <li>✓ Tương tác cá nhân hóa kém hơn</li> </ul>
<b>Phù hợp nhất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Các dự án thí điểm hoặc giai đoạn đầu</li> <li>✓ Các SMEs cần lựa chọn giá cả phải chăng</li> <li>✓ Các sản phẩm đặc thù hoặc chuyên biệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Triển khai trên toàn quốc và chương trình xuất khẩu</li> <li>✓ Các ngành phát thải cao hoặc quy mô lớn</li> </ul>
<b>Ví dụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Thái Lan:</b> Các chuyên gia cá nhân trong các dự án thí điểm PCF</li> <li>✓ <b>Việt Nam (đề xuất):</b> Bắt đầu với cá nhân, sau đó chuyển sang tổ chức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Nhật Bản:</b> JEMAI công nhận các tổ chức</li> <li>✓ <b>Đài Loan:</b> Các đơn vị thẩm tra bên thứ ba được EPA phê duyệt</li> <li>✓ <b>UK:</b> PAS 2050 được thẩm tra bởi SGS, Bureau Veritas</li> </ul>

Cả hai loại trình xác minh đều có thể được sử dụng.

Có cần đề xuất/sửa đổi gì không?

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.3 Hệ thống chứng nhận

#### B. Quy trình xác minh

##### 1. Danh sách Đơn vị Kiểm định theo VCLP

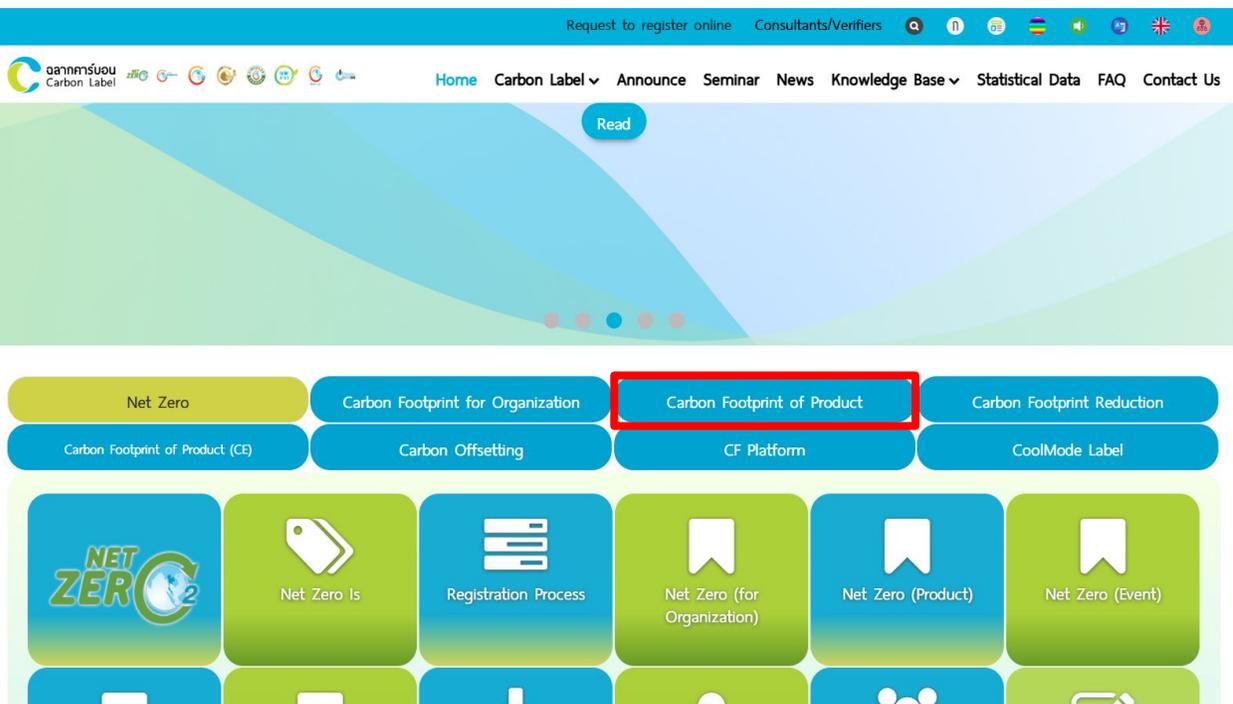
- ✓ Các công ty kiểm định được công nhận và đơn vị kiểm định đủ điều kiện theo các tiêu chuẩn được công nhận (ví dụ: ISO 14065)
- ✓ Nộp hồ sơ lên Cơ quan Quản lý Chương trình kèm theo bằng chứng về năng lực
- ✓ Sau khi được Cơ quan Quản lý Chương trình phê duyệt, đơn vị kiểm định sẽ được thêm vào danh sách đơn vị kiểm định chính thức
- ✓ Chứng nhận có hiệu lực trong 3 năm và sẽ được gia hạn sau đó

##### 2. Doanh nghiệp lựa chọn đơn vị thẩm định

- ✓ Bên đăng ký lựa chọn đơn vị thẩm định từ danh sách đã được phê duyệt dựa trên phạm vi, chuyên môn và tính khách quan
- ✓ Thỏa thuận được ký kết giữa bên đăng ký và đơn vị thẩm định
- ✓ Bên thẩm định sẽ kiểm toán tính toán CFP và ban hành báo cáo thẩm định kèm theo ý kiến của mình cho Cơ quan Quản lý Chương trình



# Dữ liệu mẫu cho danh sách người xác minh



**BƯỚC 1:** Truy cập trang web Nhãn Carbon TGO và chọn “Carbon Footprint of Product”.

**BƯỚC 2:** Nhấp vào “List of Registered Verifiers”.

# Dữ liệu mẫu cho danh sách người xác minh



Request to register online Consultants/Verifiers

Home Carbon Label Announce Seminar News Knowledge Base Statistical Data FAQ Contact Us

## List of Registered Verifiers

Criteria and requirements for registered verifiers

Person

1. Thai nationality, or anyone working with an institute or organization in Thailand at least 5 years
2. Not the owner of the products, nor having benefits from the products, nor being the consultants in carbon footprint calculation of the products intended for registration
3. Bachelor's degree or above in Sciences, Engineering or related fields
4. Succeeded in accredited training course and workshop on Life Cycle Assessment (LCA) at least 20 hours
5. Succeeded in accredited training course on carbon footprint calculation at least 10 hours
6. Experiences in carbon footprint calculation
7. Skill in applying verification methods both in expected and unexpected circumstances
8. Skill in communicating verification processes and interpreting verification results
9. Reliable and responsible
10. Conducting any tasks with honesty, not emotionally either from one's self or influences from others
11. Respect values and rights of data received while carrying out the tasks. Not expose those information without authorization from direct authorizers, unless bound to career's moral and legal enforcement

**BƯỚC 4:** Bên dưới phần tiêu chí, hãy xem danh sách các đơn vị xác minh đã đăng ký, riêng cho cá nhân và tổ chức

**BƯỚC 3:** Cuộn xuống để xem tiêu chí và yêu cầu đối với người xác minh đã đăng ký. Thông tin được cung cấp cho cả người xác minh là cá nhân và tổ chức



Request to register online Consultants/Verifiers

Home Carbon Label Announce Seminar News Knowledge Base Statistical Data FAQ Contact Us

Entity

1. Legal entity registered in Thailand aiming to work on related businesses
2. Not the owner of the products, nor having benefits from the products, nor being the consultants in carbon footprint calculation of the products intended for registration
3. Good human resources management
4. Employ at least two Carbon Footprint Verifiers registered with TGO
5. Conduct the verification only by those registered verifiers
6. Verifier must not ever been withdrawn from TGO's verifier registration

List of Verifiers All 135 entries

# Dữ liệu mẫu cho danh sách người xác minh

List of registered verifiers entity as of 17

Logo thực thể

1. Tên thực thể

Expertise: Power generation and electrical power management, Chemical manufacturing, Petroleum and gas exploration, production, refining and pipeline transportation, Petrochemical industry, General manufacturing, Food and beverage industry, Automobile and automotive parts manufacturing.

Address: No. 1858/75-76, Interlink Building, 16th Floor, Theparat Road, Bangna Tai Subdistrict, Bangna District, Bangna, Bangkok 10260

Phone:

Email:

Website:

Registration Date: 08/10/2025

Expire Date: 07/10/2028

Branches and scope of corporate greenhouse gas verification:

1.

Power Generation and Electric Power Transactions 2. General Manufacturing

Industries 3. Oil and Gas Exploration, Extraction, Production and Refining, and pipeline distribution, including Petrochemicals 4.

Metals Production 5. Aluminum Production 6. Mining and Mineral Production 7. Pulp, Paper and Print (Construction) 8. Chemical

Production 9. Carbon Capture Storage 10. Transport 11. Waste handling and disposal 12. Agriculture, Forestry and Other Land Use

13. General Service Activities



List of registered verifiers person as of 123

Ảnh của cá nhân xác minh

1. Miss Tên cá nhân xác minh

Expertise: Household cleaning products, motorcycle tire products, bicycle products, cleaning products, BOPA film products (clear type), steel bar products

Organization: Independent

Address: 27/9 Soi Chaemchan 18, Bangsaen Lower Road, Saensuk Subdistrict, Mueang Chonburi District, Chonburi Province 20130 Saensuk, Mueang Chonburi, Chonburi 20130

Phone:

Email:

Registration Date: 08/10/2025

**Lưu ý:** Đây là khái niệm sơ bộ minh họa cách dữ liệu có thể được sắp xếp và trình bày trong cơ sở dữ liệu trực tuyến

**BƯỚC 5:** Doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách này để lựa chọn đơn vị xác minh phù hợp dựa trên chuyên môn, phạm vi và thông tin đăng ký

Nguồn: <https://thaicarbonlabel.tgo.or.th/?lang=en>

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục và thực hiện thể chế

Cần có các vai trò thể chế rõ ràng và các quy định hỗ trợ để quản lý chương trình CFP, đảm bảo tuân thủ và cho phép triển khai chương trình hiệu quả

#### A. Cần có quy định hỗ trợ

##### Tổng quan

- Việt Nam đã xây dựng được khuôn khổ toàn diện và phát triển cho quản lý khí nhà kính, MRV và phát triển thị trường carbon, phù hợp với Thỏa thuận chung Paris và mục tiêu Net Zero 2050
- Khung bao gồm các luật, nghị định, thông tư và quyết định điều chỉnh kiểm kê KNK, hệ thống MRV và hoạt động thị trường carbon
- Đạt được mức giảm 12% cường độ KNK trên GDP (2020–2025) – Ngân hàng Thế giới (2020–2025)<sup>[1]</sup>



##### Chính sách chiến lược hỗ trợ các mục tiêu khí hậu rộng hơn

- Nghị quyết số 24-NQ/TW 2013
- Nghị quyết số 93/NQ-CP 2023
- Quyết định số 896/QĐ-TTg 2022
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg 2021
- Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục và thực hiện thể chế

#### A. Cần có quy định hỗ trợ

##### Các thành phần chính



##### Luật cơ bản

Luật Bảo vệ Môi trường (LEP) năm 2020 – Cơ sở pháp lý cốt lõi cho kiểm kê khí nhà kính, MRV, EPR và thành lập thị trường carbon

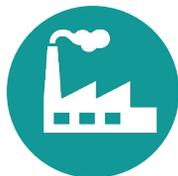
##### Nghị định thực hiện

- Nghị định 06/2022/NĐ-CP – Quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn
- Nghị định 119/2025/NĐ-CP – Cập nhật các thủ tục MRV và giao dịch tín chỉ carbon
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP – Hỗ trợ báo cáo vòng đời và EPR



##### Nhiệm vụ cấp cơ sở

- Quyết định 13/2024/QĐ-TTg – Cập nhật và mở rộng phạm vi các thực thể được yêu cầu báo cáo kiểm kê KNK
- Quyết định 232/2025/QĐ-TTg – Xác định danh sách báo cáo KNK cấp cơ sở và lộ trình cho thị trường carbon trong nước



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục và thực hiện thể chế

#### A. Cần có quy định hỗ trợ

##### Tổng quan các luật sắp tới

- Việt Nam đang xây dựng các quy định mới để vận hành thị trường carbon trong nước (ETS) và tăng cường hệ thống kiểm kê khí nhà kính và MRV
- Tập trung vào việc tuân thủ Thỏa thuận Paris (Điều 6.2, 6.4) và CBAM của EU (2026)
- Các quy định này hỗ trợ mục tiêu NDC: Giảm 43,5% GHG vào năm 2030 và Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050
- Các hướng chính: nâng cao độ tin cậy của dữ liệu, số hóa hệ thống, mở rộng phạm vi bao phủ theo ngành và đảm bảo tính minh bạch



\*ETS – Emission Trading System

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục và thực hiện thể chế

#### A. Cần có quy định hỗ trợ

##### Hướng đi sắp tới cho Báo cáo GHG

- Thị trường carbon thí điểm (2025–2028) → vận hành toàn diện vào năm 2029 (Quyết định 232/QĐ-TTg)
- Báo cáo khí nhà kính bắt buộc từ ngày 01/01/2025, bao gồm 6 lĩnh vực chính: Năng lượng, Công nghiệp, Nông nghiệp, Chất thải, Lâm nghiệp và các lĩnh vực khác
- Doanh nghiệp nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính ban đầu trước ngày 31/03/2025, được thẩm định theo Nghị định 119/2025/NĐ-CP
- Hệ thống thẩm định: Cơ sở (cấp tỉnh), Ngành (các bộ), Quốc gia (Bộ TN&MT)
- Phù hợp với hướng dẫn của ISO 14064:2018 và IPCC; xây dựng nền tảng cho giao dịch hạn ngạch và tín dụng

##### Hội nhập với thị trường Carbon và các cam kết quốc tế

- Nền tảng giao dịch carbon ra mắt vào cuối năm 2025, gắn liền với Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Nghị định về trao đổi tín chỉ quốc tế (dự thảo năm 2025) đảm bảo tính minh bạch và tránh tính trùng lặp
- Giới hạn giao dịch: 50–70%, dành tín dụng trong nước cho việc tuân thủ NDC. Tích hợp đầy đủ ISO 14064 (GHG) và ISO 14067 (ghi nhãn) vào năm 2030
- Hỗ trợ định giá carbon, tài chính xanh và thương mại bền vững.
- Tăng cường các cam kết của COP26 → Cắt giảm 8% lượng khí thải vào năm 2030 thông qua cơ chế thị trường

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

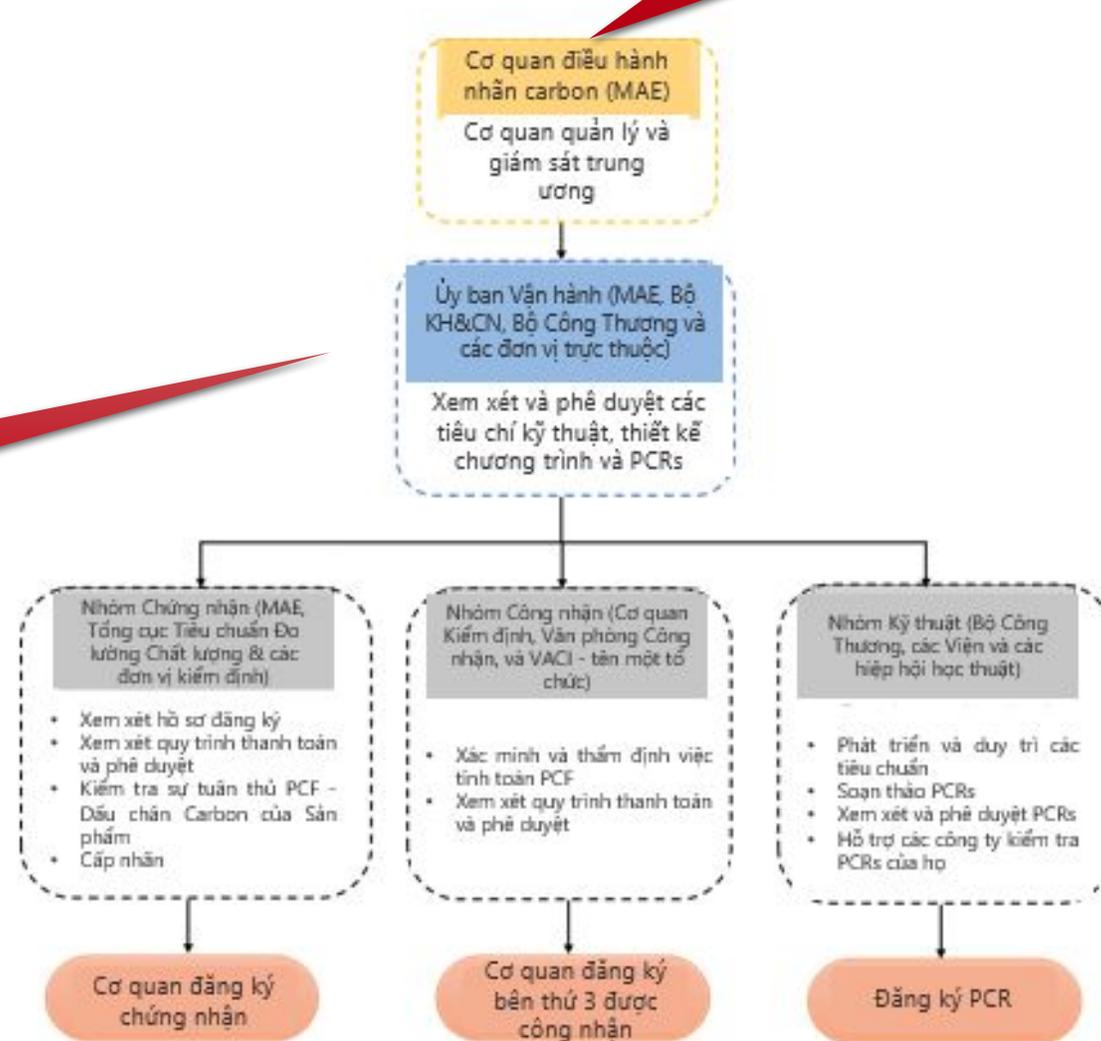
### 2.4 Thủ tục và thực hiện thể chế

#### B. Các bên liên quan chính – vai trò và trách nhiệm

- Việc dán nhãn CFP thành công đòi hỏi sự phối hợp giữa các bộ và cơ quan
- Mỗi bên liên quan đều có vai trò xác định trong việc phối hợp, thiết lập tiêu chuẩn, chứng nhận và tuân thủ

Đề xuất các cơ quan chủ quản.  
Có cần sửa đổi gì không?

Các bước liệt kê có phù hợp với bối cảnh Việt Nam không? Có cần chỉnh sửa gì không?



\*AOSC – Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp (AOSC)

BoA – Văn phòng công nhận chất lượng quốc gia

MAE – Bộ Nông nghiệp và Môi trường

MOIT – Bộ Công Thương

MOST – Bộ Khoa học và Công nghệ

QUATESTs – Trung tâm Kiểm định và Đảm bảo Chất lượng

STAMEQ – Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

VACI – Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục sắp xếp và thực hiện thể chế

Có gợi ý thay thế nào khác không?

#### B. Các bên liên quan chính – vai trò và trách nhiệm

Vai trò	Trách nhiệm	Cơ quan/Bộ
<b>Cơ quan quản lý chương trình</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Là cơ quan điều hành chủ chốt chịu trách nhiệm quản lý, điều phối và định hướng chính sách chung của chương trình dán nhãn carbon</li><li>Giám sát việc quản trị, triển khai và điều phối liên bộ của chương trình</li><li>Là Đơn vị Vận hành Chương trình (PO) trong việc xây dựng và phê duyệt PCR</li><li>Quản lý quy trình nộp đơn và thanh toán cho việc cấp chứng nhận và cấp nhãn</li><li>Giám sát các hệ thống MRV để đảm bảo tính minh bạch và toàn vẹn dữ liệu</li><li>Giám sát cơ sở dữ liệu quốc gia và phê duyệt việc cấp và phê duyệt nhãn cuối cùng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE)</li></ul>
<b>Ủy ban điều hành</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Xem xét và phê duyệt các tiêu chí kỹ thuật, thiết kế chương trình, PCR và cơ cấu phí.</li><li>Phối hợp giữa các cơ quan thực hiện và hỗ trợ.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Bộ Nông nghiệp và Môi trường (MAE)</li><li>Bộ Công Thương (MOIT)</li><li>Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST)</li></ul>
<b>Nhóm chứng nhận</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Xem xét các đơn đăng ký và quy trình thanh toán</li><li>Thực hiện kiểm tra tính tuân thủ của các PCF</li><li>Phê duyệt và cấp nhãn dấu chân carbon</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST)</li><li>Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (STAMEQ) (thuộc MOST)</li><li>Trung tâm Kiểm định và Đảm bảo Chất lượng (QUATEST) (thuộc MOST)</li></ul>

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục sắp xếp và thực hiện thể chế

Có gợi ý thay thế nào khác không?

#### B. Các bên liên quan chính – vai trò và trách nhiệm

Vai trò	Trách nhiệm	Cơ quan/Bộ
<b>Nhóm Công nhận</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Xác minh và thẩm định việc tính toán PCF</li><li>Xem xét quy trình thanh toán và phê duyệt</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Văn phòng công nhận chất lượng quốc gia (BoA)</li><li>Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp (AOSC)</li><li>Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI)</li></ul>
<b>Nhóm Kỹ thuật</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phát triển và duy trì các tiêu chuẩn</li><li>Soạn thảo, xem xét và phê duyệt PCRs</li><li>Hỗ trợ kỹ thuật các công ty kiểm tra PCRs của họ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Bộ Công Thương</li></ul>
<b>Hỗ trợ đăng ký</b>	Sổ đăng ký cơ quan chứng nhận: Ghi lại các cơ quan được chứng nhận có thẩm quyền cấp nhãn	
	Sổ đăng ký bên thứ ba được công nhận: Liệt kê các bên xác minh và xác thực được công nhận	
	Sổ đăng ký PCR: Duy trì các Quy tắc về danh mục sản phẩm đã được phê duyệt để tham khảo và cập nhật	

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.4 Thủ tục sắp xếp và thực hiện thể chế

#### C. Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhãn dầu chân sản phẩm

- Nền tảng tập trung hỗ trợ quản lý, minh bạch và truy xuất nguồn gốc của chương trình dán nhãn PCF
- Các chức năng chính:
  - ✓ Lưu trữ PCR và tài liệu phương pháp
  - ✓ Lưu giữ hồ sơ nhãn đã được phê duyệt: chi tiết sản phẩm, tình trạng chứng nhận, hiệu lực
  - ✓ Đăng ký các đơn vị xác minh và tổ chức chứng nhận được công nhận cùng phạm vi hoạt động
  - ✓ Lưu trữ các quy trình công nhận, kết quả xác minh và kết quả kiểm toán
  - ✓ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp và xem xét dữ liệu cho các doanh nghiệp tham gia
- Quản lý:
  - ✓ Được giám sát bởi một cơ quan quốc gia hoặc cơ quan thực hiện được chỉ định
  - ✓ Đảm bảo quyền truy cập an toàn, cập nhật thường xuyên và khả năng tiếp cận công cộng



## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.5 Kế hoạch thực hiện

Nó cung cấp một lộ trình có cấu trúc để vận hành Chương trình dán nhãn CFP của Việt Nam

Giai đoạn	Mô tả	Các hoạt động và tính năng chính	Thời gian
<b>Giai đoạn thí điểm</b>	Kiểm tra ban đầu và thiết lập hệ thống với phạm vi phủ sóng hạn chế	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên để triển khai thí điểm</li><li>✓ Chính phủ tài trợ cho việc xác minh, chứng nhận và đào tạo</li><li>✓ Xây dựng và phê duyệt các tiêu chuẩn PCR tập trung</li><li>✓ Xây dựng năng lực cho các doanh nghiệp, đơn vị xác minh và tổ chức chứng nhận</li><li>✓ Kiểm tra cơ sở dữ liệu và định dạng nhãn</li><li>✓ Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức và đào tạo kỹ thuật</li></ul>	2 năm (2026-2028)
<b>Triển khai đầy đủ</b>	Mở rộng chương trình để bao gồm thêm các ngành và danh mục sản phẩm khác	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Mở rộng phạm vi phủ sóng cho nhiều ngành và sản phẩm hơn</li><li>✓ Thu hồi chi phí thông qua phí đào tạo, ứng dụng và công nhận</li><li>✓ Cho phép các doanh nghiệp phát triển hoặc điều chỉnh PCR với sự chấp thuận của Nhà điều hành Chương trình</li><li>✓ Tăng cường công nhận đơn vị xác minh và phối hợp tổ chức</li><li>✓ Nâng cao quản lý dữ liệu và tính minh bạch</li></ul>	4 năm (2029 – 2032)
<b>Mở rộng quy mô trong tương lai</b>	Chuyển đổi từ khuôn khổ tự nguyện sang khuôn khổ rộng hơn hoặc bắt buộc phù hợp với chính sách carbon quốc gia	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ Mở rộng sang nhiều lĩnh vực hơn và toàn bộ vòng đời (từ đầu đến cuối)</li><li>✓ Tích hợp với các hệ thống mua sắm xanh và thị trường carbon</li><li>✓ Dần dần chuyển sang áp dụng bắt buộc đối với các lĩnh vực trọng điểm</li><li>✓ Hợp tác với các tổ chức hợp tác quốc tế</li><li>✓ Thúc đẩy các công cụ kỹ thuật số hướng đến tính minh bạch và khả năng tiếp cận</li></ul>	Sau năm 2033

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.6 Đánh giá và giảm thiểu rủi ro

Để thực hiện thành công Chương trình dán nhãn CFP cần phải chủ động xác định và quản lý các rủi ro tiềm ẩn



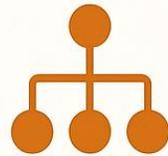
#### Năng lực kỹ thuật

Tiến hành đào tạo có mục tiêu và phát triển các công cụ tính toán



#### Chất lượng dữ liệu

Phát triển các mẫu dữ liệu chuẩn hóa và thúc đẩy chia sẻ dữ liệu



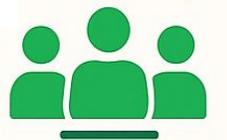
#### Phối hợp thể chế

Xác định rõ vai trò và tăng cường phối hợp liên bộ



#### Ràng buộc tài chính

Cung cấp hỗ trợ xác minh có trợ cấp và tìm hiểu quan hệ đối tác với các nhà tài trợ



#### Sự tham gia của các bên liên quan

Nâng cao nhận thức và làm nổi bật lợi ích của thị trường



#### Xác minh và độ tin cậy

Thực thi công nhận và kiểm tra chất lượng ngẫu nhiên



Ủy ban điều hành phân công các nhóm chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giảm thiểu

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.7 Chương trình xây dựng năng lực

- Tăng cường năng lực kỹ thuật và thể chế cho việc dán nhãn carbon
- Liên quan đến các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, đơn vị thẩm định và tổ chức chứng nhận
- Tập trung vào việc thực hiện chính xác, minh bạch và đáng tin cậy

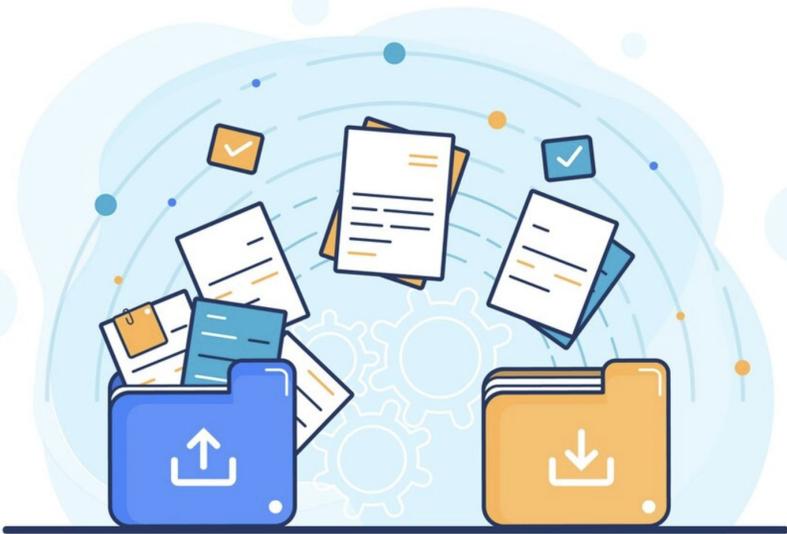


#### A. Đánh giá nhu cầu năng lực

- ✓ Xác định những thiếu hụt về kiến thức, kỹ năng và sự sẵn sàng
- ✓ Đánh giá sự hiểu biết về Nghị định thư ISO 14067/GHG
- ✓ Đánh giá năng lực thu thập và báo cáo dữ liệu của doanh nghiệp
- ✓ Xem xét năng lực của người xác minh và chứng nhận
- ✓ Kiểm tra năng lực giám sát và phối hợp của tổ chức
- ✓ Kết quả hướng dẫn đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ kiến thức

## 2. Thiết kế chương trình dán nhãn CFP tự nguyện

### 2.7 Chương trình xây dựng năng lực



#### B. Kế hoạch đào tạo và chuyển giao kiến thức

- ✓ Tăng cường năng lực cho các bên liên quan thông qua đào tạo chuyên sâu
- ✓ Tổ chức các hội thảo/hội thảo trực tuyến về tính toán, báo cáo và xác minh CFP
- ✓ Cung cấp các buổi đào tạo chuyên môn cho cán bộ xác minh và cán bộ chính phủ về MRV và QA
- ✓ Tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và người tiêu dùng về nhãn carbon
- ✓ Tạo điều kiện trao đổi kiến thức với các chuyên gia quốc tế và các chương trình khu vực
- ✓ Điều chỉnh tài liệu và phương pháp đào tạo phù hợp với vai trò và trình độ kỹ năng của người tham gia

#### C. Công cụ hỗ trợ và tài liệu hướng dẫn

- ✓ Phát triển các công cụ để đảm bảo áp dụng tiêu chuẩn một cách nhất quán
- ✓ Tạo hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn tính toán cho doanh nghiệp
- ✓ Cung cấp danh sách kiểm tra xác minh và chứng nhận
- ✓ Phát triển các mẫu báo cáo và tài liệu
- ✓ Chia sẻ các câu hỏi thường gặp, nghiên cứu điển hình và tài liệu tiếp cận cộng đồng
- ✓ Thúc đẩy việc triển khai chuẩn hóa và học tập liên tục



### 3. CÁC BƯỚC TIẾP THEO SAU HỘI THẢO THAM VẤN

- Quy trình tham vấn các bên liên quan (sẽ cập nhật sau hội thảo)
  - Danh sách các bên liên quan được tham vấn
  - Chương trình và phương pháp Hội thảo tham vấn
  - Phản hồi nhận được và tích hợp vào thiết kế
- Đề xuất cuối cùng cho thiết kế và triển khai thí điểm
  - Tóm tắt các sửa đổi chính sau khi tham vấn
  - Các yếu tố thiết kế cuối cùng
  - Kế hoạch triển khai thí điểm cuối cùng
- Khuyến nghị cho Thiết kế

---

**Cảm ơn đã lắng nghe!**

# Các loại phát thải theo ISO 14064

## Danh mục 1 – Phát thải và hấp thụ KNK trực tiếp

### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 1

1. Phát thải trực tiếp từ quá trình đốt cố định
2. Phát thải trực tiếp từ quá trình đốt di động
3. Phát thải trực tiếp từ các quy trình sản xuất
4. Phát thải trực tiếp do rò rỉ
5. Phát thải trực tiếp từ thay đổi sử dụng đất, sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF)

## Danh mục 2 – Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng nhập khẩu

### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 2

6. Phát thải gián tiếp từ việc tiêu thụ điện năng nhập khẩu
7. Phát thải gián tiếp từ việc tiêu thụ năng lượng nhập khẩu (không bao gồm điện năng)

## Danh mục 3 – Phát thải KNK gián tiếp từ hoạt động vận chuyển

### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 3

12. Vận chuyển và phân phối thượng nguồn
13. Các chuyến đi công tác
16. Vận chuyển khách hàng và khách tham quan
17. Vận chuyển và phân phối hạ nguồn
22. Di chuyển của nhân viên (đi lại hàng ngày)

## Danh mục 4 – Phát thải KNK gián tiếp từ các sản phẩm được tổ chức sử dụng

### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 3

8. Các hoạt động liên quan đến năng lượng không bao gồm trong phát thải trực tiếp và phát thải năng lượng gián tiếp
9. Sản phẩm mua ngoài
10. Thiết bị, tài sản cố định (vốn đầu tư)
11. Chất thải phát sinh
14. Tài sản thuê thượng nguồn

## Danh mục 5 – Phát thải KNK gián tiếp liên quan đến việc sử dụng sản phẩm của tổ chức

### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 3

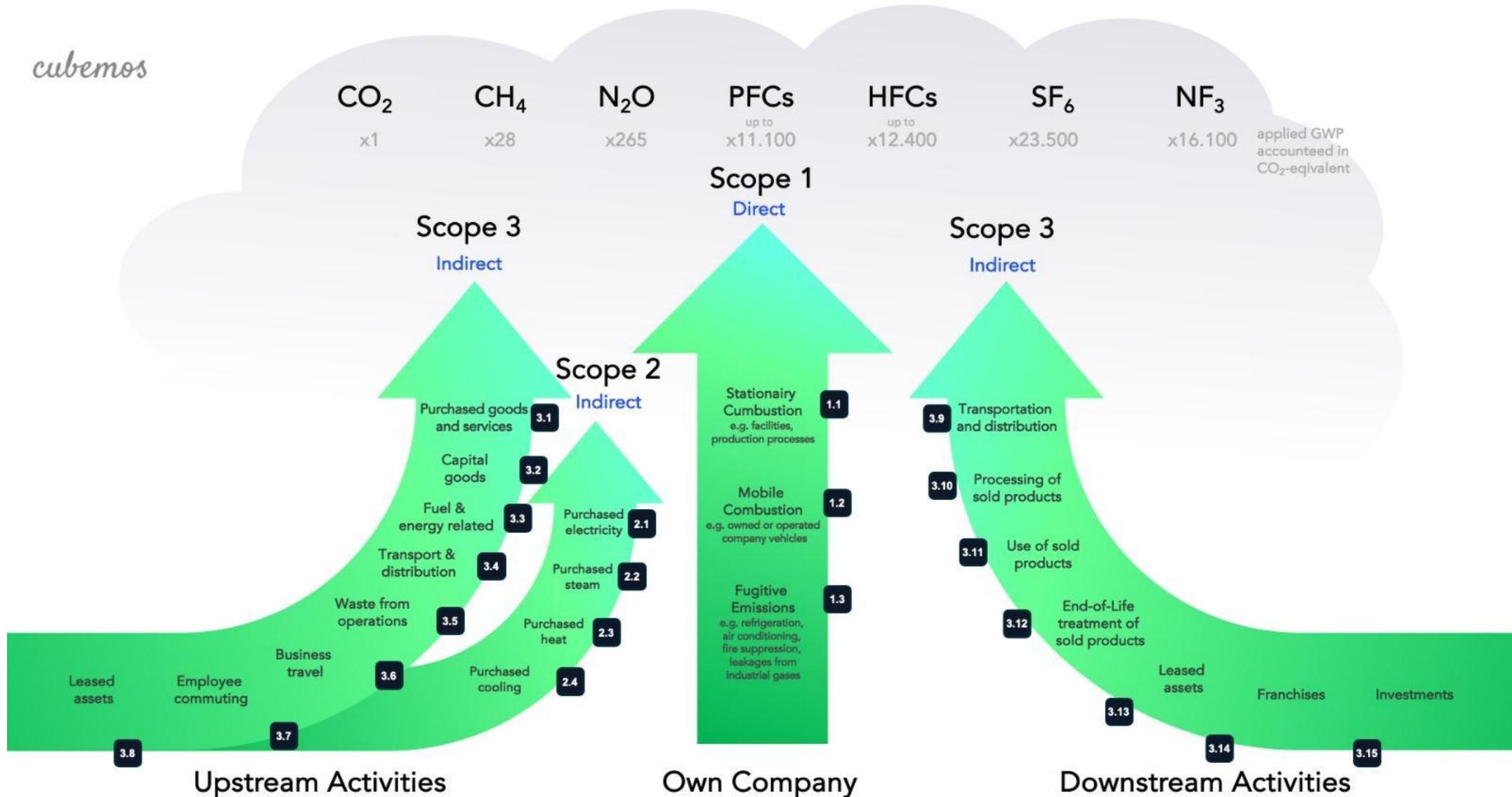
15. Hoạt động đầu tư
18. Giai đoạn sử dụng của sản phẩm
19. Giai đoạn kết thúc vòng đời của sản phẩm
20. Cửa hàng nhượng quyền hạ nguồn
21. Tài sản thuê hạ nguồn

## Danh mục 6 – Phát thải KNK gián tiếp từ các nguồn khác

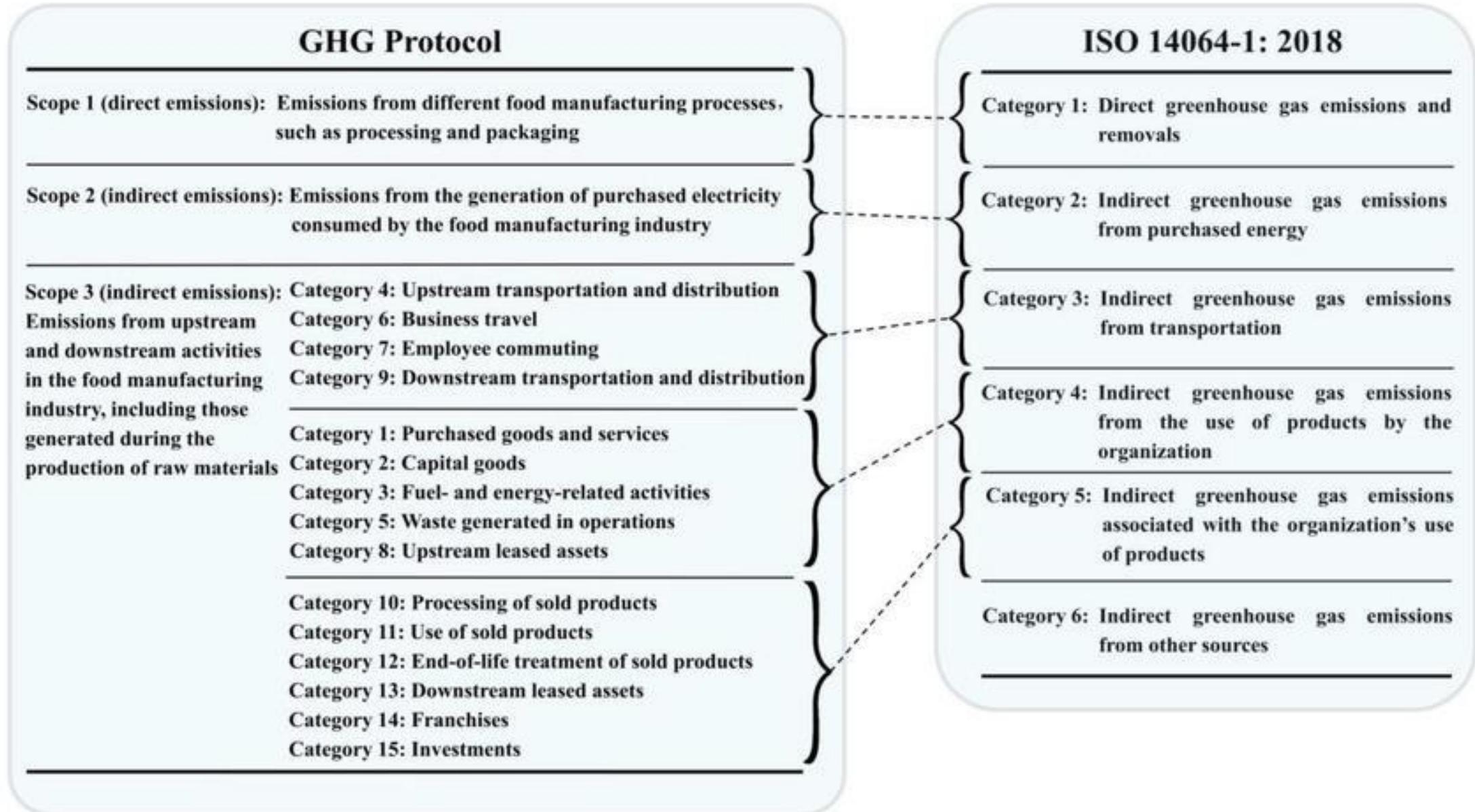
### Tất cả các hoạt động thuộc Phạm vi 3

23. Các phát thải hoặc hấp thụ gián tiếp khác

# Phạm vi phát thải theo Nghị định thư GHG



# GHG protocol và ISO



## 2.4 Thủ tục sắp xếp và thực hiện thể chế

### B. Các bên liên quan chính – vai trò và trách nhiệm

Các cơ quan công nhận  
Việt Nam



**Văn phòng công nhận Chất lượng quốc gia (BoA):**

- Cơ quan công nhận quốc gia trực thuộc STAMEQ – Bộ Khoa học và Công nghệ
- Công nhận các phòng thí nghiệm, tổ chức chứng nhận/kiểm định, thử nghiệm thành thạo, tài liệu tham khảo
- Đại diện cho Việt Nam tại ILAC, IAF, APAC để được công nhận quốc tế



**Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp (AOSC):**

- Trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
- Công nhận các phòng xét nghiệm và phòng xét nghiệm y tế (ISO/IEC 17025, ISO 15189)
- Đào tạo về hệ thống quản lý chất lượng phòng xét nghiệm



**Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI):**

- Công nhận của bên thứ ba hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ
- Công nhận các tổ chức chứng nhận, phòng thí nghiệm, tổ chức kiểm định theo tiêu chuẩn ISO 17011 và luật pháp trong nước
- Phù hợp với thông lệ trong nước và quốc tế



## Các yêu cầu của CBAM đối với ngành xuất khẩu tại Việt Nam

- **Tổng quan CBAM:**
  - Cơ chế của EU áp dụng giá carbon đối với hàng nhập khẩu để phù hợp với chi phí của EU ETS
  - Nhằm mục đích ngăn ngừa rò rỉ carbon và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mức carbon thấp trên toàn cầu
- **Giai đoạn chuyển đổi (Tháng 10 năm 2023 – Tháng 12 năm 2025):**
  - Chỉ tập trung vào việc thu thập và báo cáo dữ liệu
  - Áp dụng cho xi măng, thép, nhôm, phân bón, điện và hydro
  - Chưa có bắt buộc nghĩa vụ tài chính nào
- **Triển khai đầy đủ (Từ tháng 1 năm 2026)**
  - Các nhà nhập khẩu EU phải mua chứng chỉ CBAM cho phát thải hàm chứa
  - Các nhà xuất khẩu cần dữ liệu phát thải chính xác, đã được xác minh để tránh các giá trị mặc định cao
- **Các hành động chính dành cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam:**
  - Thiết lập hệ thống MRV
  - Thực hiện đánh giá CFP
  - Đầu tư vào các công nghệ giảm carbon và tiết kiệm năng lượng



### Các từ viết tắt

EU – Liên minh Châu Âu

CBAM – Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon

## Các yêu cầu của CBAM đối với ngành xuất khẩu tại Việt Nam

- **Các ngành thuộc CBAM / Rủi ro cao** (dựa trên khảo sát được thực hiện đối với Sản phẩm 2):
  - Sắt và thép: Tiêu thụ năng lượng và khối lượng xuất khẩu lớn
  - Xi măng và Hóa chất (Phân bón, sơn, cao su): Quá trình phát thải chính
  - Nhôm: Lượng khí thải cao, xuất khẩu vừa phải
  - Giấy, nhựa, dệt may: Chưa được đề cập nhưng bị ảnh hưởng gián tiếp thông qua chuỗi cung ứng của EU
- **Mở rộng trong tương lai** (dựa trên khảo sát được thực hiện đối với Sản phẩm 2):
  - Có thể bao gồm hóa chất, nhựa và thiết bị điện tử trong các giai đoạn sau
- **Phản hồi của Chính phủ:**
  - Phát triển thị trường carbon trong nước và các chính sách phù hợp với CBAM của EU
  - Hỗ trợ các nhà xuất khẩu thích ứng và duy trì khả năng cạnh tranh

